

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

**THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400476650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp,
đăng ký lần đầu ngày 01/12/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 14/08/2014)*

Địa chỉ: 115 – Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;

Điện thoại: 0236 3871 669; 3871 886 - Fax: 0236 3871 668; Website: <http://songvang.info.vn>)

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Ứng Văn Phúc – Tổng Giám đốc Công ty

Số điện thoại: 0236 3871 669

số fax: 0236 3871 668



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ	5
Bảng 2- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 19/07/2017	14
Bảng 3 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% tại thời điểm chốt sổ cổ đông 19/07/2017.....	15
Bảng 4 - Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Thủy điện An Điền II trong các năm 2015 đến 8.2017 (KWh)	17
Bảng 5 - Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Thủy điện An Điền II so với kế hoạch (Kwh)..	18
Bảng 6 - Doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty.....	18
Bảng 7 - Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh của Công ty	18
Bảng 8 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	19
Bảng 9 - Tình hình lao động của Công ty	22
Bảng 10 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước	25
Bảng 11 - Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng.....	25
Bảng 12 - Tình hình các khoản phải thu.....	27
Bảng 13 - Tình hình các khoản phải trả.....	27
Bảng 14 – Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 - 2016.....	28
Bảng 15 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2016	29

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	10
Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	11

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- ❖ Tên Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng
- ❖ Tên gọi tắt : Sông Vàng
- ❖ Trụ sở chính : 115 – Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0236 3871 669
- ❖ Fax : 0236 3871 668
- ❖ E-mail : thuydienandiem2@gmail.com
- ❖ Website : <http://songvang.info.vn>
- ❖ Giấy chứng nhận số 0400476650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2004 đăng ký kinh doanh Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14/8/2014.
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký : 148.206.625.000 đồng
- ❖ Vốn điều lệ thực góp : 148.206.625.000 đồng.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các nhà máy điện; Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, điện công nghiệp, điện dân dụng;
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng điện, xây lắp điện;
 - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị điện;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị điện;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến mỏ đá (ngoài thành phố Đà Nẵng);

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/12/2004 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 14/08/2014.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được hình thành bởi 03 cổ đông sáng lập là Tổng Công ty xây dựng Công trình giao thông 5, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Tài chính dầu khí, vốn điều lệ ban đầu là 112 tỷ đồng, nhằm đầu tư, triển khai xây dựng và khai thác nhà máy thủy điện An Đầm II trên địa bàn xã Ba, huyện Đông Giang và xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Công trình cách thành phố Đà Nẵng khoảng 60km.

Năm 2007, cổ đông Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5 thoái vốn và chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 586.

Năm 2009, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 112 tỷ đồng lên 143 tỷ đồng.

Năm 2011, cổ đông Công ty Tài chính dầu khí thoái vốn và chuyển giao cho Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam.

Năm 2012, Công ty đã tăng thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 143 tỷ đồng lên 148,2 tỷ đồng. vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 148,2 tỷ đồng.

1.3. Quá trình tăng vốn

Ngày 01/12/2004, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 112.000.000.000 đồng.

Từ khi thành lập đến nay công ty đã thực hiện 02 lần tăng vốn (số vốn điều lệ hiện nay là 148.206.625.000 đồng). Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn VNĐ)		Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn VNĐ)		Hình thức phát hành và cơ sở pháp lý
		Vốn đăng ký	Vốn thực góp	Vốn đăng ký	Vốn thực góp	

STT	Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn VNĐ)		Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn VNĐ)		Hình thức phát hành và cơ sở pháp lý
		Vốn đăng ký	Vốn thực góp	Vốn đăng ký	Vốn thực góp	
1	Tháng 12/2004	-	-	112.000.000	112.000.000	Thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng theo Mã số DN 0400476650 do Sở Kế hoạch và Đầu tur TP Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2004
2	Tháng 07/2009	112.000.000	112.000.000	143.000.000	143.000.000	- Phát hành cho cổ đồng hiện hữu. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/03/2009 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tur Thành phố Đà Nẵng cấp ngày

STT	Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn VNĐ)		Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn VNĐ)		Hình thức phát hành và cơ sở pháp lý
		Vốn đăng ký	Vốn thực góp	Vốn đăng ký	Vốn thực góp	
						14/07/2009
3	Tháng 06/2012	143.000.000	143.000.000	148.206.625	148.206.625	<p>- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 22/NQ/CTCP-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2012 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 thay đổi lần thứ 14 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố</p>

STT	Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn VNĐ)		Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn VNĐ)		Hình thức phát hành và cơ sở pháp lý
		Vốn đăng ký	Vốn thực góp	Vốn đăng ký	Vốn thực góp	
						Đà Nẵng cấp ngày 29/06/2012

Chi tiết các lần tăng vốn:

➤ **Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 112.000.000.000 đồng lên 143.000.000.000 đồng**

- **Cơ sở pháp lý:**

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/03/2009 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/07/2009.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp ngày 16/04/2010.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 112.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm: 310.000 cổ phần.
- **Mệnh giá** : 100.000 đồng/cổ phần
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 143.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 03/03/2009
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 20/11/2009
- Số lượng phát hành : 310.000 cổ phần
- Giá phát hành : 100.000 đồng/cp

- Tổng giá trị phát hành : 31.000.000.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành: 01 người

➤ **Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 143.000.000.000 đồng lên 148.206.625.000 đồng**

• **Cơ sở pháp lý:**

+ Hợp đồng vay vốn lưu động số 01/HĐVV – TCT/2011 ngày 30/01/2011 giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng.

+ Thông báo lãi vay ngày 31/03/2011 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam gửi Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng.

+ Công văn số 319/TCT – TCKT của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam ngày 31/03/2011 về việc Gán trừ tiền góp vốn mua cổ phần;

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 22/NQ/CTCP-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2012 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 thay đổi lần thứ 14 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/06/2012

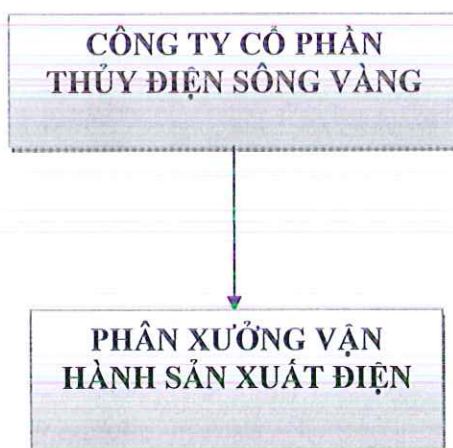
• **Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn thực góp trước khi phát hành : 143.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm: 520.662,5 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn thực góp sau khi phát hành : 148.206.625.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Ngày phát hành : 11/05/2012
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 11/05/2012
- Số lượng phát hành : 520.662,5 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cp
- Tổng giá trị phát hành : 5.206.625.000 đồng
- Số lượng người tham gia đợt phát hành: 01 người.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Trụ sở chính Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

- Địa chỉ: 115- Trưng Nữ Vương, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236 3871 669 Fax: 0236 3871 668
- Website: <http://songvang.info.vn>
- Email: thuydienandiem2@gmail.com

❖ Phân xưởng vận hành sản xuất điện (Nhà máy thủy điện An Đầm II)

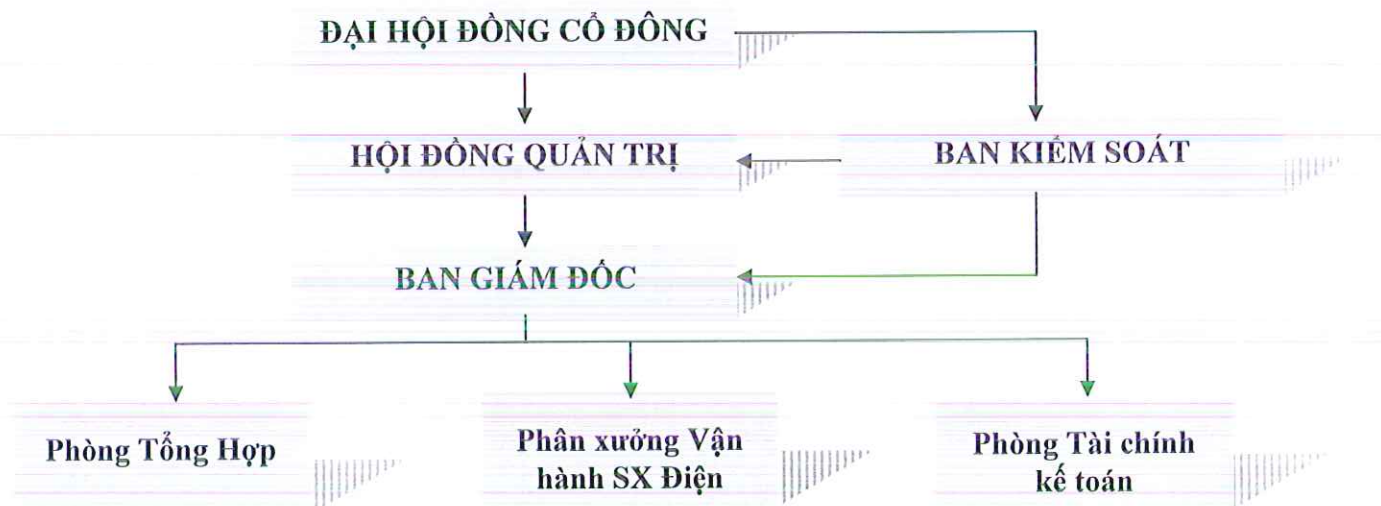
Phân xưởng vận hành sản xuất điện nằm trên địa bàn xã Ba, huyện Đông Giang và xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Công trình cách thành phố Đà Nẵng khoảng 60km. Nhà máy thủy điện An Đầm II công suất lắp máy 15,6 MW có nhiệm vụ sản xuất điện năng với điện lượng trung bình 78,3 triệu kWh/năm. Quản lý vận hành thiết bị theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược

kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



➤ Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 03 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

○ Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
○ Ông Nguyễn Đình Thi	Thành viên HĐQT
○ Ông Ứng Văn Phúc	Thành viên HĐQT

➤ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

Chức năng các phòng ban

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.

- **Phòng Tài chính kế toán:** Là Phòng chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty; Giúp Hội đồng Quản trị và Giám đốc kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
 - **Phòng Tổng hợp:** Là Phòng chuyên môn tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Công ty về lĩnh vực công tác: đấu thầu xây lắp, quản lý Hợp đồng xây lắp; Quản lý kỹ thuật chất lượng xây lắp; Quản lý tiến độ thi công các công trình, xem xét hồ sơ nghiệm thu, quyết toán khối lượng và giá trị xây lắp. Và tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Công ty trong công tác hành chính, tổng hợp, văn thư – lưu trữ, bảo vệ an ninh – quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, công tác tuyển dụng; công tác tổ chức, công tác cán bộ; Công tác tiền lương và chính sách với người lao động; Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
 - **Phân Xưởng vận hành sản xuất điện:** Xưởng vận hành có chức năng quản lý vận hành các thiết bị Nhà máy để sản xuất điện năng theo kế hoạch sản xuất điện năng được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Tổ chức, bố trí, sắp xếp lực lượng CBCNV trong Phân xưởng để đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các thiết bị được giao theo Quy trình, Quy phạm của ngành điện và của Công ty đã ban hành. Chủ động trong công tác Phòng cháy chữa cháy, phòng chống lụt bão và Công tác An toàn vệ sinh lao động....
4. **Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ).**

4.1. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 19/07/2017

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước			
1. Cổ đông tổ chức	02	12.707.662,5	85,74%
2. Cổ đông cá nhân	144	2.113.000	14,26%
II. Cổ đông nước ngoài	-	-	-

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông tổ chức	-	-	-
2. Cổ đông cá nhân	-	-	-
III. Cổ phiếu Quỹ	-	-	-
Tổng cộng	146	14.820.662,5	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01/12/2004, do vậy sau ngày 01/12/2007 tất cả các cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

Bảng 3 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% tại thời điểm chốt sổ cổ đông 19/07/2017

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội	7.978.992,5	53,8%
2	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tòa nhà VPI – 167 Trung Kính – Cầu Giấy – Hà Nội	4.728.670	31,9%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1. Danh sách những công ty mẹ của công ty đại chúng

TT	Tên Công ty	Trụ sở	Ngành nghề kinh doanh	Số cổ phần sở hữu tại CTCP Thủy điện Sông Vàng	Tỷ lệ sở hữu tại CTCP Thủy điện Sông Vàng (%)
1	Tổng Công	124 Minh Khai	Xây dựng các công trình	7.978.992,5	53,8%

ty Lắp máy Việt Nam	– Hai Bà Trưng – Hà Nội	dân dụng và công nghiệp; Gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, kết cấu thép, các loại bồn bể, các thiết bị nâng hạ, thiết bị chịu áp lực cao; Lắp đặt hoàn thiện các công trình công nghiệp, thiết bị công nghệ, thiết bị nâng hạ, đường ống công nghệ và đường ống cấp thoát nước; Xây lắp trạm cao thế, trung thế, hạ thế, lắp đặt và thí nghiệm các loại máy biến thế, hệ thống đường dây tải điện, điện động lực, điện điều khiển, truyền thông.		
---------------------	----------------------------	--	--	--

5.2. Những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

5.2.1. Công ty con

Không có

5.2.2. Công ty liên kết

Không có

5.3. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

TT	Tên Công ty	Trụ sở	Ngành nghề kinh doanh	Số cổ phần sở hữu tại CTCP Thủy điện Sông Vàng	Tỷ lệ sở hữu tại CTCP Thủy điện Sông Vàng (%)
1	Tổng Công ty	Tòa nhà VPI,	Sản xuất kinh doanh	4.728.670	31,9%

ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	điện năng, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các Nhà máy điện, cung cấp vật tư thiết bị - phụ tùng thay thế, nhập khẩu, kinh doanh và phân phối than đảm bảo nguồn cung cấp cho các Nhà máy điện và quản lý, đầu tư các dự án điện		
------------------------------	----------------------------------	---	--	--

6. Hoạt động kinh doanh.

6.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác, sản xuất kinh doanh điện năng tại Nhà máy thủy điện An Điền II là hoạt động kinh doanh chính từ khi được thành lập đến nay của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng.

Nhà máy Thủy điện An Điền II với công suất là 15,6 MW được xây dựng trên địa bàn xã Ba, huyện Đông Giang và xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Công trình cách thành phố Đà Nẵng khoảng 60km. Nhà máy chính thức được đưa vào vận hành thương mại từ tháng 10/2010, hiện đang sản xuất điện thương phẩm để cung cấp trực tiếp cho Tổng Công ty điện lực miền Trung (gọi tắt là CPC) theo Hợp đồng mua bán điện số 04-2009/AN ĐIỀM 2/PC3-Sông Vàng ký ngày 24/04/2009.

Công trình thủy điện An Điền II được khởi công xây dựng từ tháng 5/2005 và dự kiến đi vào phát điện sau 2 năm xây dựng, tuy nhiên do các yếu tố khách quan nên đến tận tháng 10/2010 Công ty mới phát điện thương mại thành công, do đó tháng 10/2010 Công ty mới bắt đầu ghi nhận doanh thu.

Tình hình sản xuất điện năng tại Nhà máy thủy điện An Điền II như sau:

Bảng 4 - Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Thủy điện An Điền II trong các năm 2015 đến 8.2017 (KWh)

Thời gian phát điện	2015	2016	2017
Tháng 1	7.663.170	5.447.000	7.756.711
Tháng 2	5.893.090	2.787.040	7.008.514
Tháng 3	4.039.870	1.685.390	4.430.199

Thời gian phát điện	2015	2016	2017
Tháng 4	5.331.080	1.165.850	3.189.785
Tháng 5	4.500.450	2.087.100	5.189.786
Tháng 6	2.310.370	1.966.460	4.155.616
Tháng 7	1.913.920	2.331.600	6.844.631
Tháng 8	1.913.920	3.154.213	4.662.923
Tháng 9	5.323.370	5.854.907	
Tháng 10	6.645.070	7.027.866	
Tháng 11	7.683.710	7.867.282	
Tháng 12	7.498.770	7.846.214	
Tổng cộng	63.879.650	49.220.922	

Nguồn: CTCP Thủy điện Sông Vàng

Bảng 5 - Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Thủy điện An Điền II so với kế hoạch (Kwh)

Năm	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
Năm 2015	53.646.002	63.879.650	119,08%
Năm 2016	53.646.002	49.220.922	91,75%

Nguồn: CTCP Thủy điện Sông Vàng

6.2. Tình hình doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm

Bảng 6 - Doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Quý 2/2017	
	Doanh thu (VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (VND)	Tỷ trọng (%)
Sản xuất điện năng	68.707.700.123	100%	53.899.237.079	100%	37.910.004.333	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán; BCTC 6 tháng 2017 do Công ty tự lập

Bảng 7 - Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Quý 2/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Quý 2/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng /DTT (%)
Sản xuất điện năng	32.976.467.108	48,00	24.422.813.308	45,31	24.624.193.677	64,95

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán; BCTC 6 tháng 2017 do Công ty tự lập

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 8 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	% tăng/giảm	30/06/2017
Tổng giá trị tài sản	đồng	359.979.659.719	328.046.940.210	91,13%	326.836.413.776
Vốn chủ sở hữu	đồng	53.904.839.500	54.202.337.014	100,55%	68.329.369.121
Doanh thu thuần	đồng	68.707.700.123	53.899.237.079	78,45%	37.910.004.333
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	đồng	6.058.438.672	550.820.082	9,09%	14.065.296.962
Lợi nhuận khác	đồng	-135.828.268	-253.322.568	-	61.735.145
Lợi nhuận trước thuế	đồng	5.922.610.404	297.497.514	5,02%	14.127.032.107
Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.922.610.404	297.497.514	5,02%	14.127.032.107
Giá trị sổ sách	đồng/cổ phần	3.637	3.657	0,55%	4.610
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2016 đã được kiểm toán; BCTC 6 tháng năm 2017 do Công ty tự lập)

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Đối thủ tiềm ẩn.

- Sức hấp dẫn của ngành: Hiện nay nguồn điện trong nước vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước, do đó nhà nước vẫn đang có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất điện. Các doanh nghiệp sản xuất điện hiện nay được hưởng ưu đãi lớn về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Những rào cản gia nhập ngành:

+ Để xây dựng một nhà máy sản xuất điện cần nguồn vốn đầu tư lớn.

+ Công nghệ cao để đảm bảo nhà máy vận hành ổn định.

Hiện tại ngành điện chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài vì các doanh nghiệp sản xuất điện của nhà nước được hưởng ưu đãi lớn, giá điện tuy đã được chuyển sang thực hiện theo cơ chế thị trường song vẫn chịu sự điều tiết của nhà nước, nên rất khó cho các doanh nghiệp nước ngoài gia nhập vào ngành này.

Nhà cung cấp

Đối với các nhà máy thủy điện, nguồn nguyên liệu đầu vào là nước, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào chỉ phụ thuộc vào trữ lượng nước trong hồ của nhà máy, phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

Khách hàng

Hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân hàng ngày không thể thiếu điện. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu của người dân ngày càng tăng, vì vậy cầu về điện ngày càng tăng.

Cạnh tranh trong nội bộ ngành

Đặc điểm của ngành thủy điện nước ta hiện nay, các nhà máy sản xuất điện vốn đầu tư chủ yếu là nhà nước, cùng với đó là lượng điện sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, giá điện vẫn chịu sự điều tiết của nhà nước, vì vậy hầu như không có sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Dự án Nhà máy thủy điện An Điền II do Xí nghiệp Khoa học Kỹ thuật - Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1 lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán được Trung tâm Tư vấn và Triển khai công nghệ Năng lượng thuộc Liên hiệp các hội Khoa Học và Kỹ thuật Việt Nam và Công ty Tư vấn & Phát triển Kỹ thuật tài nguyên nước thẩm tra và được Công ty Thủy điện Sông Vàng phê duyệt theo Quyết định số 13/QH- HĐQT ngày 20/3/2006 với tổng giá trị là 336,9 tỷ đồng. Dự án đang vận hành khai thác với công suất lắp máy 15,6MW và điện lượng bình quân hàng năm là 78,3 triệu KWh sẽ hoà vào hệ thống lưới điện Quốc Gia tại Trạm biến áp 110 kV Đại Lộc tỉnh

Quảng Nam. Công trình đi vào vận hành có tác dụng nâng cao chất lượng lưới điện địa phương, đặc biệt là lưới điện huyện Đại Lộc. Ngoài nhiệm vụ phát điện nêu trên và điều tiết ngày đêm nước cho Nhà máy Thủy điện An Điền II, còn tạo thêm việc làm, góp phần phát triển hạ tầng giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Do đặc thù của ngành điện, giữa các công ty sản xuất điện không có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ vì thị trường điện của Việt Nam hiện nay và trong những năm tiếp theo nguồn cung vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của các thành phần trong nền kinh tế. Vì vậy sản lượng điện hàng năm mà Công ty sản xuất ra sẽ được tiêu thụ hết và có thể nói hoạt động của Công ty sẽ ổn định, bền vững trong những năm sắp tới

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năng lượng điện nói chung và Điện năng nói riêng là một ngành chủ đạo trong nền kinh tế của mọi quốc gia. Quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam luôn gắn liền với quá trình phát triển của ngành điện, thậm chí ngành điện luôn phải đi trước một bước.

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi sau khủng hoảng, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng xã hội ngày càng gia tăng. Do đó, nhu cầu đối với điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt cũng ngày càng tăng.

Hiện nay, sản lượng điện sản xuất tại Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện của cả nước, chính vì vậy, ngành điện nói chung và phân đoạn sản xuất điện nói riêng của Việt Nam còn nhiều tiềm năng cho đầu tư và phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự phát triển ngành điện nói chung và các nhà máy thủy điện nói riêng.

9. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

9.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 30/06/2017 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 45 người.

Bảng 9 - Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	30/06/2017
Số lượng nhân viên	45
I. Phân theo trình độ học vấn	45
1. Trình độ đại học và trên đại học	09
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	15
3. Sơ cấp, trung cấp	01
4. Khác	20
II. Phân theo thời hạn	45
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, PGD, KTT)	03
2. Hợp đồng dài hạn	40
3. Hợp đồng ngắn hạn	02

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

9.2. Chính sách đối với người lao động

❖ *Chế độ làm việc*

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ bảy và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là các kỹ năng về marketing và phát triển khách hàng.

❖ ***Chính sách lương, thưởng, phúc lợi***

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

Tổng quỹ lương thực trích năm 2016 là: 5.631.385.632 đồng.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2015 là 8.200.000 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2016 là 8.200.000 đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong những năm qua, do Công ty hoạt động thua lỗ nên Công ty không thực hiện trả cổ tức cho cổ đông.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

11.2. Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 Năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 Năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 Năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 Năm
Tài sản cố định khác	03 - 07 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

11.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 10 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	1.832.574.029	948.286.389	1.334.399.905
Thuế thu nhập cá nhân	12.294.666	8.385.214	11.905.006
Thuế tài nguyên	981.477.203	632.763.671	754.348.566
Các loại thuế khác	1.173.330	6.104.189	21.728.642
Tổng cộng	2.827.519.228	1.595.539.463	2.122.382.119

(Nguồn: BCTC năm 2016 đã kiểm toán; BCTC 6 tháng 2017 do Công ty tự lập)

11.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong những năm vừa qua do Công ty hoạt động kinh doanh bị thua lỗ nên Công ty không thực hiện việc trích lập các quỹ

11.6. Tổng dư nợ vay

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

Bảng 11 - Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
1. Vay ngắn hạn	-	-
2. Vay dài hạn	202.041.208.572	177.041.208.572

<i>Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng (1)</i>	-	-
<i>Công ty mua bán nợ DATC – Đà Nẵng (2)</i>		
3. Nợ dài hạn đến hạn trả	18.000.000.000	22.300.000.000
<i>Công ty mua bán nợ DATC – Đà Nẵng (2)</i>	14.920.200.000	48.484.470.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng (1)</i>	3.079.800.000	3.815.530.000

(Nguồn: BCTC năm 2016 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

(1) Vay dài hạn phục vụ Dự án Nhà máy Thủy điện An Điền II được các ngân hàng thương mại đồng tài trợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2006/NHTM – HĐTD ngày 13/12/2006; PLHĐ 02/2009/NHTM – HĐTD ngày 14/10/2009 và PLHĐ số 01/2011/NHTM – PLHĐTD ngày 30/05/2011. Theo đó, hạn mức tín dụng là 253.736.000.000 đồng, thời hạn cho vay tối đa đến ngày 05/06/2021, lãi suất cho vay = lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau +4%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết các Ngân hàng và tổ chức đồng tài trợ Dự án Nhà máy Thủy điện An Điền II:

- *Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Đà Nẵng*
- *Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng*
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng*
- *Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng*
- *Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng*

(2) Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng đã mua lại khoản nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí – Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Biên bản xác nhận chuyển giao nợ

ngày 15/08/2013, ngày 28/10/2013, ngày 18/09/2013 và thông báo số 50/ĐN.KH ngày 23/01/2014.

a. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 12 - Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	22.557.127.773	13.000.916.900	17.067.772.223
1. Phải thu của khách hàng	18.658.771.281	9.779.802.807	13.199.034.187
2. Trả trước cho người bán	3.055.929.111	1.968.265.392	1.827.032.745
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	954.779.381	1.278.200.701	2.067.057.291
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(112.352.000)	(25.352.000)	(25.352.000)
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	22.557.127.773	13.000.916.900	17.067.772.223

(Nguồn: BCTC năm 2016 đã kiểm toán; BCTC 6 tháng 2017 do Công ty tự lập)

- Các khoản phải trả:

Bảng 13 - Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I. Nợ ngắn hạn	104.033.611.647	96.803.394.624	81.465.836.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	43.268.886.768	37.173.939.495	38.579.791.961
2. Người mua trả tiền trước	-	-	-

ngắn hạn			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.827.519.228	1.595.539.463	2.122.382.119
4. Phải trả người lao động	943.087.515	718.320.558	228.799.254
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	37.009.336.782	32.670.518.671	32.092.283.144
6. Phải trả ngắn hạn khác	1.984.781.354	2.345.076.437	2.362.579.605
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.000.000.000	22.300.000.000	6.080.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
II. Nợ dài hạn	202.041.208.572	177.041.208.572	177.041.208.572
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	202.041.208.572	177.041.208.572	177.041.208.572
Tổng cộng	306.074.820.219	273.844.603.196	258.507.044.655

(Nguồn: BCTC năm 2016 đã kiểm toán; BCTC 6 tháng 2017 do Công ty tự lập)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14 – Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 - 2016

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,23	0,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,23	0,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,85	0,83
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,68	5,05
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,19	0,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,62%	0,55%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,99%	0,55%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,65%	0,09%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,82%	1,02%

(Nguồn: BCTC 2016 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

4. Tài sản

a. Giá trị tài sản cố định

Bảng 15 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	444.642.571.547	309.830.793.649	69,68%
Nhà cửa, vật kiến trúc	335.031.183.021	266.700.274.376	79,60%
Máy móc và thiết bị	108.165.618.245	43.130.519.273	39,87%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.395.679.372	-	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	50.090.909	-	-
Tổng cộng	444.642.571.547	309.830.793.649	69,68%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 309.110.868.652 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.445.679.372 đồng.

b. Tình hình sử dụng đất đai

Căn cứ Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 06/7/2010, UBND tỉnh Quảng Nam đã đồng ý cho Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng thuê đất theo hiện trạng công trình Nhà máy thủy điện An Điền 2 tại xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc và xã Ba, huyện Đông Giang tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

- Diện tích đất cho thuê: 1.326.794 m² (trong đó: tại xã Ba, huyện Đông Giang diện tích 578.279 m²; tại xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc diện tích 748.515m²) với mục đích xây dựng Nhà máy thủy điện An Điền 2 (bao gồm các hạng mục công trình: Lòng hồ 200.000 m², Khu vực đầu mối 37.000 m², tuyến kênh 394,572 m², tuyến đường ống 145,086 m², nhà máy 15.066 m², Trạm phân phối đường vận hành 22.671m², đường thi công 84.000m², Đường vận hành vào nhà máy 370.050 m², Khu phụ trợ+bãi thải 58.349 m²).
- Địa điểm: xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc và xã Ba, huyện Đông Giang.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ tháng 7 năm 2005.
- Vị trí, ranh giới cho thuê đất được xác định theo Trích đo địa chính công trình thủy điện An Điền II theo hiện trạng sử dụng đất, Từ tờ bản đồ địa chính cơ sở tỷ lệ 1/10.000- Tờ số 1, xã Đại Hưng (gồm 4 tờ, từ tờ số 1 đến tờ số 4), Từ tờ bản đồ địa chính cơ sở tỷ lệ 1/10.000- Tờ số 1 và 3, xã Ba (gồm 7 tờ, từ tờ số 1 đến tờ số 7) do Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quảng Nam đo vẽ ngày 27/01/2010.

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2016	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	148.206.625.000	-	148.206.625.000	-
Doanh thu thuần	55.639.931.154	3,23%	58.421.928.000	5,00%
Lợi nhuận sau thuế	1.852.217.624	522,60%	2.000.000.000	7,98%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,33%	503,12%	3,42%	2,84%

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	1,25%	522,60%	1,35%	7,98%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng)

➤ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nói trên**

- Căn cứ vào diễn biến nền kinh tế trong năm qua và những dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nửa cuối năm 2017, năm 2018. Trung tâm Thông tin và dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) dự báo kinh tế Việt Nam 6 tháng cuối năm 2017 sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh hơn.
- Thị trường điện trong nửa đầu năm 2017 chứng kiến tốc độ tăng trưởng của sản lượng tiêu thụ cao áp đảo tăng trưởng của công suất hệ thống. Đồng thời, tình hình thủy văn cũng thuận lợi cho các nhà máy thủy điện với lượng mưa cao hơn hẳn mức trung bình nhiều năm (TBNN). Bước sang nửa cuối năm, các dự báo gần nhất đều cho thấy rủi ro El Nino quay trở lại trong năm 2017 đã giảm đi đáng kể, qua đó giúp triển vọng ngành thủy điện trong nửa cuối năm 2017 trở nên tươi sáng hơn. Nhu cầu tiêu thụ điện tăng nhanh hơn tổng công suất nguồn điện, mang lại lợi thế cho bên cung. Tiêu thụ điện cả nước tăng 8,5% trong nửa đầu năm và dự kiến còn cao hơn nữa trong nửa cuối năm nay, khi Chính phủ đã thể hiện quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng GDP trong 2 quý cuối năm 2017, cho thấy nhu cầu điện từ nền kinh tế sẽ còn tiếp tục tăng lên.
- Thời tiết trong năm 2017 ủng hộ các doanh nghiệp thủy điện ở miền Trung và Tây Nguyên. Trong khi tiêu thụ điện vẫn tăng trưởng ổn định trong nửa đầu năm, lượng mưa ở miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam trong quý 1 và quý 2 lại cao hơn mức TBNN lần lượt là 25 – 100% và 10 – 30%. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện ở khu vực này có điều kiện để đẩy mạnh sản lượng sản xuất.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm 2015 – 2016 ;
- Căn cứ vào định hướng đầu tư và phát triển của Công ty trong tương lai.

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

7. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

➤ **Tuân thủ pháp luật:**

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

➤ **Quản lý, công tác tổ chức:**

– Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

– Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

➤ **Tài chính:**

– Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi trở thành công ty đại chúng và tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.

– Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

– Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để phát triển thị trường kinh doanh.

➤ **Hoạt động kinh doanh:**

– Thực hiện công tác nâng cấp hệ thống kênh và các công trình phụ trợ liên quan nhằm nâng cao hiệu suất Nhà máy Thủy điện An Điền II: Sau khi được sự đồng ý của các Cổ đông, Ban điều hành sẽ làm việc với Đơn vị tư vấn nhằm xây dựng chi tiết phương án nâng cấp hệ thống kênh và các công trình phụ trợ liên quan cũng như tìm kiếm các Nhà thầu có năng lực thi công để sớm hoàn thành nhằm nâng cao hiệu suất của Nhà máy Thủy điện An Điền II.

– Thực hiện việc trùng tu theo định kỳ Nhà máy Thủy điện An Điền II: Nhà máy thủy điện An Điền II đã thực hiện việc trùng tu kỳ 1 vào tháng 10/2013. Căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngành điện thì Nhà máy Thủy điện An Điền II đã đến kỳ trùng tu lần 2. Việc thực hiện trùng tu Nhà máy nhằm bảo dưỡng, duy tu các thiết bị nhưng không làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

– Thực hiện việc nạo vét lòng hồ Nhà máy Thủy điện An Điền II: Đồng thời với việc trùng tu Nhà máy theo định kỳ, phương án nâng cấp hệ thống kênh dẫn và các công trình phụ trợ liên quan, cũng như đáp ứng yêu cầu của Quy trình vận hành hồ chứa tại Quyết định số 4347/QĐ – UBND ngày 24/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

– Cơ cấu lại nợ vay: Trong thời gian vừa qua, Ban điều hành đã nhiều lần làm việc với DATC cũng như với Ngân hàng Nông Nghiệp Thành phố Đà Nẵng để giảm lãi suất tiền vay theo lộ trình giảm lãi suất. Đồng thời kiến nghị các Đơn vị tài trợ vốn hỗ trợ, trích một phần nguồn thu từ bán điện để trả nợ cho các Nhà thầu.

➤ **Phát triển nguồn nhân lực:**

– Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

– Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

➤ **Kế hoạch tăng cường quản trị công ty**

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

8. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

1.1. Cơ cấu và thành phần Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm (2017 - 2022). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị có:

- 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 02 Thành viên Hội đồng quản trị

1.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT độc lập)
Ứng Văn Phúc	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT điều hành)
Nguyễn Đình Thi	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT độc lập)

Chủ tịch HĐQT – Ông NGUYỄN VĂN QUANG

- Họ và tên: Nguyễn Văn Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 29/07/1961
- Nơi sinh: Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 182/45-Bạch Đằng-P24-Q.Bình Thạnh – TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 024022113 Nơi cấp: CA. TP. Hồ Chí Minh Ngày cấp: 28/06/2012
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng VPĐD-Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP tại TP.Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/1987-06/1990	Kỹ sư	Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 45 – Trị An – Đồng Nai
07/1990-03/2001	Phó Giám đốc	Xí nghiệp lắp máy 45.1

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
04/2001-09/2001	Phó Giám đốc	CN Công ty Lắp máy & xây dựng 45.1
10/2001-11/2003	Phó Giám đốc	Công ty Lắp máy & xây dựng số 7
12/2003-05/2004	Quyền Giám đốc	Công ty Lắp máy & xây dựng số 7
06/2004-05/2006	Giám đốc	Công ty Lắp máy & xây dựng số 7
06/2006-03/2007	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ông
04/2007-10/2009	Phó Giám đốc	Ban dự án điện Nhơn Trạch
11/2009-06/2010	Phó Giám đốc	Ban dự án điện Nhơn Trạch 2
07/2010-Nay	Trưởng VPĐD	TCT Lắp máy VN tại TP. Hồ Chí Minh
04/2015-Nay	Trưởng VPĐD kiêm Giám đốc	BQL dự án nhà cao tầng Lilama tại Quận 9 TP Hồ Chí Minh
09/2015-04/2016	Phó Giám đốc	BDA điện Sông Hậu I
04/2012-Nay	TV HĐQT	Công ty CP chế tạo giàn khoan Dầu khí
01/05/2016 – Nay	CT.HĐQT	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện (Đại diện LILAMA): 5.507.358 cổ phần, chiếm 37,16% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thành viên HĐQT – Ông ỨNG VĂN PHÚC

- Họ và tên: Ứng Văn Phúc
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 02/11/1973
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 29, phường Thanh Bình, quận Hải Châu – TP. Hà Nội
- Số CMND: 201189001 Ngày cấp: 25/02/2003 Nơi cấp: CA TP. Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/1998 – 11/2004	Kỹ sư cơ khí	Công ty Lắp máy và Xây dựng số 7
12/2004 – 05/2008	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng
06/2008 – 02/2012	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng
03/2012 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng
2004 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện Lilama: 2.471.634 cổ phần, chiếm 16,68% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN ĐÌNH THI

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thi
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/03/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P210, A5, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 012375904 Nơi cấp: CA. Hà Nội Ngày cấp: 28/08/2000
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Đầu tư phát triển Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
06/1996-07/1997	Kỹ sư giám sát	Công ty xây dựng Mitsu - Nhật Bản tại Khu công nghiệp Nội Bài Hà Nội
07/1997-03/1998	Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch	Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng
03/1998-07/1999	Phụ trách công tác Kinh tế Kế hoạch	Ban điều hành dự án Nhà máy đóng tàu Huydai – Vinashin tại Ninh hoà – Khánh Hoà
07/1999-03/2001	Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch	Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng
03/2001-03/2003	Phó phòng kỹ thuật	Ban điều hành dự án Đê chắn sóng Dung Quất

03/2003-07/2003	Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch	Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng
07/2003-12/2004	Phó giám đốc kiêm trưởng phòng Xây dựng cơ bản	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình
01/2005-01/2007	Phó giám đốc	Công ty Cổ phần Trảng An
02/2007-06/2007	Phó giám đốc	Ban điều hành Dự án Nhà máy đóng tàu Dung Quất
06/2007-07/2010	Phó tổng giám đốc	Công ty cổ phần thủy điện Đắkđrinh
08/2010 đến nay	Trưởng ban Đầu tư Phát triển	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
2004 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện PV Power: 4.728.670 cổ phần, chiếm 31,91% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Cơ cấu và thành phần Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm (2017 - 2022); thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu của Ban Kiểm soát có: 01 Trưởng Ban kiểm soát
02 Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Lê Đình Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Thị Kiều Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Thị Thúy Quyên	Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng BKS – Ông LÊ ĐÌNH HIỆU

- Họ và tên: LÊ ĐÌNH HIỆU
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18 tháng 03 năm 1975
- Nơi sinh: Xã Khuyến Nông, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 69 Chùa Bộc – P.Trung liệt- Q.Đống Đa - Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: P711 HH1 Ngõ 102 Trường Chinh, Phương Liệt, Đống Đa Hà Nội
- Điện thoại: 091.59.666.59
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngành học : Tài chính kế toán . Nơi đào tạo :Học Viện Ngân Hàng.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên- Ban TCKT & KT Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
1998-2004	Phòng Kinh doanh – Marketing	Công ty Cổ phần DL Hồ Gươm kiêm P. Giám đốc Công ty TNHH Tin học và Du lịch Hồ Gươm.
2005-2006	Phòng Điều hành	Công ty CP vận tải Đường sắt
2006-2007	Phòng Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP ACB Hà Nội

2007 - Nay	Ban TCKT&KT	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
2008-2009	Kiểm soát viên Kiêm nhiệm	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
2010-2013	Kiểm soát viên Kiêm nhiệm	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
2014- Nay	Kiểm soát viên Kiêm nhiệm	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Kiều Anh

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kiều Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/05/1983
- Nơi sinh: Xã Lĩnh Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 66, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.
- Số CMND: 201735492 Ngày cấp: 10/05/2014 Nơi cấp: CA Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngành học : Cử nhân kế toán
- Nơi đào tạo : Đại học kinh tế quốc dân
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó phòng tài chính kế toán – Công ty Cổ phần Lilama 7
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
09/2005-05/2006	Kế toán	Công ty CP Licogi 16.1 – CN Đà Nẵng
06/2006-11/2011	Kế toán	Công ty CP Lilama 7
11/2011 – nay	Phó phòng Tài chính kế toán	Công ty CP Lilama 7
03/2015-nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thành viên BKS – Bà NGUYỄN THỊ THÚY QUYÊN

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Quyên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/06/1974
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 693B/2 Trần Cao Vân – TP. Đà Nẵng

- Số CMND: 201212068 Nơi cấp: CA. Đà Nẵng Ngày cấp: 29/12/2011
- Trình độ chuyên môn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát ; Phó phòng Tổng hợp
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
10/1996 – 12/2004	NV Phòng Kế toán	Công ty CP XDCT GT 512
12/2004-08/2009	NV Phòng kế toán	Công ty CP thủy điện Sông Vàng
08/2009-06/2012	Phó phòng kế toán	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng
07/2017-06/2017	Trưởng phòng TCHC	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng
07/2017-Nay	Phó phòng Tổng hợp	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1. Cơ cấu và thành phần Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc Công ty có hai (02) thành viên.

Trong cơ cấu của Ban Tổng Giám đốc có: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc
Phòng Kế toán của Công ty có 01 Kế toán trưởng

3.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ứng Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Phạm Văn Long	Phó Tổng Giám đốc
Hà Huy Bình	Kế toán trưởng

3.2.1. Tổng Giám đốc

Ông Ứng Văn Phúc

Đã trình bày ở mục HDQT.

3.2.2. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phạm Văn Long
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/05/1978
- Nơi sinh: Xã Quế Minh, Huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: K94/43 Đường Lê Hữu Trác – Q.Sơn Trà – Tp Đà Nẵng
- Số CMND 201375511 Ngày cấp: 17/07/2012 Nơi cấp: CA Tp Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổng hợp
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
-----------	---------	--------

2002-02/2003	Chuyên viên	Công ty TNHH Xây lắp điện Công nghiệp Đà Nẵng
03/2003-08/2005	Chuyên viên	Trung tâm tư vấn đầu tư và xây dựng – Công ty xây lắp điện 3
09/2005-01/2010	Chuyên viên	Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng
02/2010-11/2011	Phó phòng Kinh tế Kỹ thuật	Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng
12/2010-06/2013	Quản đốc Phân xưởng vận hành sản xuất điện	Công ty CP thủy điện Sông Vàng
07/2013 đến nay	Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổng hợp	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

3.2.3. Kế toán trưởng: Hà Huy Bình

- Họ và tên: Hà Huy Bình
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/10/1971.
- Nơi sinh: Xã Sơn Thịnh, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 81 Lê Đại – P.Hòa Cường Bắc – Q.Hải Châu-Tp Đà Nẵng
- Số CMND : 201634949 Ngày cấp: 19/04/2014 Nơi cấp: CA Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Chuyên ngành học: Kế toán Nơi đào tạo : Đại học Thương mại Đà Nẵng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
04/1997-12/1999	Phụ trách kế toán	XN lắp máy 701 trực thuộc Công ty LM & XD số 7
01/2000-09/2004	Kế toán tổng hợp	Công ty LM & XD số 7 – TCT Lắp máy Việt Nam
10/2004-05/2006	Phụ trách VPĐD Lilama Miền trung Phụ trách kế toán BQL Lilama tại NMXM Sông Gianh	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
06/2006-12/2009	Phụ trách VPĐD Lilama Miền trung Phụ trách kế toán BQL Lilama tại NM lọc dầu Dung Quất	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
01/2010-12/2011	Phụ trách VPĐD Lilama Miền trung	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
01/2010-Nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng và dự kiến kế hoạch SXKD cho những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động cụ thể như:

- HĐQT luôn xem xét trách nhiệm tối cao của mình là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các hoạt động của HĐQT phải minh bạch, phải đặt quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty là trên hết.
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty;
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp với Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt hệ thống quy chế nội bộ công ty một cách đồng bộ, hệ thống, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu mới, phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở hành lang pháp lý nội bộ cho việc tổ chức và quản lý SXKD có hiệu quả.

III. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

